**Mẫu số 33, phụ lục 2. Bản đồ ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản và khu vực tiếp tục thăm dò**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016*

*của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...** Phụ lục 2

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tọa độ các điểm khép góc**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Điểm góc | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu… | | | X(m) | Y(m) | | Khu vực tiếp tục thăm dò | | | | 1  2  … |  |  | | Diện tích: ... ha | | | | Khu vực trả lại | | | | 1  2  … |  |  | | Diện tích: ... ha | | |   Khung tọa độ | **BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH GIẤY PHÉP THĂM DÒ VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC THĂM DÒ**  (tên khoáng sản)…..tại khu vực (mỏ)…., xã….., huyện…., tỉnh….  (Kèm theo Quyết định số......./QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...)  Nền địa hình  Ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích thăm dò và phần diện tích còn lại tiếp tục thăm dò  Tỷ lệ:…..   |  |  | | --- | --- | | Người thành lập  (Ký, họ tên) | Tổ chức, cá nhân thành lập  (Ký, đóng dấu) |   “Được trích lục từ tờ bản đồ  địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục...,  múi chiếu..., số hiệu...” | CHỈ DẪN |